

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bình Khiêm

2. Ông Lê Văn Được

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Phương T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Võ Văn T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Phương T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 1996, do mai mối nên chị và anh T1 được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới sống chung đến ngày 27/12/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 xảy ra bất hoà trong mối quan hệ vợ chồng, thường xuyên lời qua tiếng lại với nhau, anh T1 chửi mắng xúc phạm chị, anh T1 còn đe dọa giết chị nhiều lần, đời sống vợ chồng nhiều áp lực, vì con chị cố gắng chịu đựng trong thời gian dài, chị khuyên anh T1 sửa đổi tính tình để lo cho gia đình đến nay anh T1 vẫn không sửa đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 13/02/1998, Võ Chí T2, sinh ngày 01/10/1999 đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn T1 vắng mặt nên không có trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị T ly hôn anh T1. Về con chung: Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 13/02/1998, Võ Chí T2, sinh ngày 01/10/1999 đã thành niên nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí chị T là người dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị xét chị T không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị T và anh T1 là tranh chấp về ly hôn ; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay chị Thanh vắng M, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/12/2002 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T1, theo lời khai của chị T thì sau khi cưới vợ chồng sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, anh T1 hay thường hay chửi, xúc phạm chị, đời sống vợ chồng nhiều áp lực, sống chung không hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh T1.

Về phía anh T1 vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời khai.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, tuy nhiên giữa chị T và anh T1 cư xử với nhau không hài hòa, từ đó xảy ra

mâu thuẫn, hai bên cũng không tự điều chỉnh hành vi và lối sống của mình để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc hơn từ đó mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng lớn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 13/02/1998, Võ Chí T2, sinh ngày 01/10/1999 đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Thạch Thị Phương T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên xét chị T không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Phương T được ly hôn anh Võ Văn T1.
- Về con chung: Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 13/02/1998, Võ Chí T2, sinh ngày 01/10/1999 đã thành niên không yêu cầu nên không đề cập đến.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Thạch Thị Phương T không phải chịu án phí.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Trà Vinh;

- VKSND huyện Cầu Ngang;

- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;

- Các đương sự;

- UBND Thị Trấn Cầu Ngang;

- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh